TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/DS-ST.
Ngày: 15/3/2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn D

2. Bà Phạm Hồng G

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh S – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S1**

Địa chỉ: số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D1.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thái B.** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Phạm Quang V** – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S1 - Phòng giao dịch Hòn Đất.

2. Bị đơn: Ông **Cao Tấn N,** sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị Kim N1,** sinh

năm 1965.

Địa chỉ: ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Cao Thanh P, sinh năm 1992.

3.2. Anh Cao Thanh T, sinh năm 1995.

3.3. Chị Cao Thị Thanh T1 (Cao Thanh T1), sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Ông V, bà N1 có mặt, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P, anh T và chị T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang V trình bày như sau:*

Vào ngày 08/02/2018 ông Cao Tấn N và bà Nguyễn Thị Kim N1 có ký hợp đồng tín dụng số LD1803700493 với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi đóng 06 tháng/lần, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất 13,8%/năm. Thời điểm trả hết nợ là ngày 14/01/2021. Để đảm bảo khoản nợ vay này ông N và bà N1 có ký hợp đồng thế chấp tài sản là QSD đất theo giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N và bà N1 vi phạm N vụ trả nợ khi đến hạn của hợp đồng. Nay số nợ trên đã quá hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Cao Tấn N và bà Nguyễn Thị Kim N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay tổng cộng gốc và lãi tính đến hết ngày 05/05/2022 là 79.636.837 đồng. Trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.977.425 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.659.412 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng. Trường hợp phía ông N và bà N1 không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng S.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Cao Tấn N và bà Nguyễn Thị Kim N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay tổng cộng gốc và lãi tính đến hết ngày 05/05/2022 là 79.636.837 đồng (trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.977.425 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.659.412 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng. Trường hợp phía ông N và bà N1 không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng S. Nếu ông N, bà N1 trả hết nợ cho ngân hàng thì ngân hàng sẽ trả cho ông N, bà N1 bản chính giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N1 trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị Kim N1 thừa nhận bà và chồng bà là ông Cao Tấn N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi đóng 06 tháng/lần, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất 13,8%/năm. Thời điểm trả hết nợ là ngày 14/01/2021. Để đảm bảo khoản nợ vay này vợ chồng bà N1 có ký hợp đồng thế chấp tài sản là giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ngân hàng.

Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay số nợ đã quá hạn mà vợ chồng bà vẫn chưa thanh toán được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu gia đình bà N1 phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày ngày 05/05/2022 là 79.636.837 đồng (trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.977.425 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.659.412 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng bà N1 cũng đồng ý trả số nợ này. Nhưng hiện tại do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, bà N1 đề nghị phía Ngân hàng cho gia đình bà N1 được trả dần số nợ này trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày xét xử.

Đối với phần đất theo giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang thì hiện nay vợ chồng bà N1 vẫn đang ở, vẫn đang quản lý sử dụng, ông bà không cho ai ở nhờ, không thế chấp hoặc cầm cố cho cá nhân nào khác.

Bà N1 cho biết chồng bà là ông Cao Tấn N và các con Cao Thanh P, sinh năm 1992; Cao Thanh T, sinh năm 1995 và Cao Thị Thanh T1, sinh năm 1997 đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt nhưng do bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa được.

** Bị đơn ông Cao Tấn N trình bày như sau:*

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Kim N1. Chúng tôi có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng tôi đều đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải của Tòa án, hiện nay tôi bị bệnh nên không đi lại được do đó xin Tòa án cho chồng tôi được hòa giải và xét xử vắng mặt trong vụ án này. Tôi và bà N1 có tổng cộng 03 người con chung tên: Cao Thanh P, sinh năm 1992; Cao Thanh T, sinh năm 1995 và Cao Thị Thanh T1, sinh năm 1997. Ngoài ra tôi và ông N không có con riêng và con nuôi nào khác.

Vợ chồng chúng tôi thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi đóng 06 tháng/lần, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất 13,8%/năm. Thời điểm trả hết nợ là ngày 14/01/2021.

Để đảm bảo khoản nợ vay này chúng tôi có ký hợp đồng thế chấp tài sản là giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay số nợ đã quá hạn mà chúng tôi vẫn chưa thanh toán được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu

gia đình tôi phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 05/5/2022 là 79.636.837 đồng. Trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.977.425 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.659.412 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng thì vợ chồng chúng tôi cũng đồng ý trả số nợ này. Nhưng hiện tại do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, chúng tôi đề nghị phía Ngân hàng xin cho gia đình chúng tôi được trả dần số nợ này trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày xét xử.

Đối với phần đất theo giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang thì hiện nay vợ chồng tôi vẫn đang ở, vẫn đang quản lý sử dụng, chúng tôi không cho ai ở nhờ, không thế chấp hoặc cầm cố cho cá nhân nào khác.

Nay ông N có ý kiến như sau: tôi thống nhất với ý kiến trình bày của vợ tôi là bà Nguyễn Thị Kim N1 tại tòa án, mọi ý kiến của vợ tôi như thế nào tôi đều thống nhất và không bổ sung gì thêm. Tôi đã nhận được tất cả các thông báo, quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất để giải quyết đối với vụ án nêu trên. Tuy nhiên hiện tại công việc tôi rất bận nên không thể thường xuyên có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên xin Tòa án cho tôi vắng mặt trong tất cả các lần tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của vụ án nên trên tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Cao Tấn N, bà Nguyễn Thị Kim N1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ nên được xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Cao Tấn N có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, N vụ liên quan là anh Cao Thanh P, anh Cao Thanh T và chị Cao Thị Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên

HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào ngày 08/02/2018 ông Cao Tấn N và bà Nguyễn Thị Kim N1 có ký hợp đồng tín dụng số LD1803700493 với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi đóng 06 tháng/lần, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất 13,8%/năm. Thời điểm trả hết nợ là ngày 14/01/2021.

Tài sản bảo đảm là QSD đất số V 978745 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng bà N1 đã vi phạm N vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 05/05/2022 là 79.636.837 đồng (trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.977.425 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.659.412 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; Phía Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án chứng từ gồm hợp đồng tín dụng số 023/2012/HĐTDTDH-CN/SHB.KG ngày 14/02/2012; hợp đồng thế chấp tài sản số 009/2012/HĐTC-CN/SHB.KG ngày 14/02/2012; khế ước nhận nợ; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất. Tại các văn bản này thể hiện ông N và bà N1 có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên nhằm để đảm bảo N vụ trả nợ hợp đồng vay. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, chứng thực vào ngày 08/02/2018 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, các bên phải thực hiện đúng các thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông N và bà N1 số tiền 60.000.000 đồng; phía ông N và bà N1 phải thanh toán khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi đến hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông N và bà N1

đã vi phạm N vụ thanh toán nợ gốc, lãi cho Ngân hàng khi đến hạn và hiện nay ông N và bà N1 vẫn còn nợ số tiền trên của Ngân hàng.

Căn cứ vào Điều 463 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015: "Thì bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn… và phải trả lãi". Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông N và bà N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày ngày 05/05/2022 là 79.636.837 đồng (trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.977.425 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.659.412 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng.

[4] Đối với tài sản thế chấp theo giấy chứng QSD đất số V 978745 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo phía Ngân hàng và bà N1 trình bày thửa đất này vợ chồng bà N1 đang quản lý, sử dụng và không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định nên Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp nêu trên.

Sau khi ông N và bà N1 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S thì ngân hàng phải trả lại cho ông N và bà N1 bản chính giấy chứng nhận QSD đất số V 978745 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1.

Trường hợp ông N và bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ N vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất cho phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí DSST : Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N và bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Cao Tấn N, bà Nguyễn Thị Kim N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương tín số tiền tổng cộng gốc và lãi tính đến hết ngày 05/5/2022 là 79.636.837 đồng (trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 19.636.837 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng.

Sau khi ông N và bà N1 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng phải trả lại cho ông N và bà N1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 978745 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 04/10/2003 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị Kim N1, trong đó thổ cư nông thôn là 120m^2, thửa đất số 72-b, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất là 167m^2 đất vườn tạp, thửa đất số 72-c, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang..

Trường hợp ông N và bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ N vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất cho phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DSST: Buộc ông Cao Tấn N và bà Nguyễn Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.982.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.991.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008115 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn A